

Name: .....

Grammar: .....

Class: S3...

Reading: .....

Tel: 034 200 9294



Mini Test: .....

Ngày GV giao bài: Thứ....., ngày...../.....

Ngày HS nộp bài: Thứ....., ngày...../.....

## GLOBAL ENGLISH 3

### Unit 3 - The desert: Grammar 1 & Flyers Reading

#### A. Grammar

##### ❖ Past simple (Quá khứ đơn)

Khẳng định	Phủ định	Nghi vấn
<b>S + V<sub>ed/2</sub>.</b>	<b>S + didn't + V<sub>-inf</sub>.</b>	<b>Did + S + V<sub>-inf</sub>?</b> → Yes, S did. → No, S didn't.
Eg: She <b>slept</b> on the bed. (Cô ấy đã ngủ trên giường.)	Eg: I <b>didn't</b> do the test. (Tôi đã không làm bài kiểm tra.)	Eg: <b>Did</b> they walk to school? (Họ đã đi bộ tới trường chưa?) → Yes, they <b>did</b> . (Có, họ đã đi.) → No, they <b>didn't</b> . (Không, họ chưa đi.)

**Note:** S = subject: chủ ngữ; V<sub>-inf</sub> = verb infinitive: động từ nguyên thể; V<sub>ed/2</sub> = past form of Verb

##### ❖ Irregular verbs (Động từ bất quy tắc)

No.	V <sub>-inf</sub>	V2	Meanings	No.	V <sub>-inf</sub>	V2	Meanings
1	<b>go</b>	<b>went</b>	đi	5	<b>write</b>	<b>wrote</b>	viết
2	<b>eat</b>	<b>ate</b>	ăn	6	<b>come</b>	<b>came</b>	đến
3	<b>see</b>	<b>saw</b>	nhìn	7	<b>give</b>	<b>gave</b>	đưa
4	<b>take</b>	<b>took</b>	lấy	8	<b>drink</b>	<b>drank</b>	uống

##### ❖ Wh question trong thì quá khứ đơn: What, when, where, why, how, who

	Structure	Example
<b>Verb</b>	<b>Wh question + did + S + V<sub>-inf</sub> + ...?</b>	What did you talk to him about yesterday? (Bạn nói gì với anh ta hôm qua?)
<b>To be</b>	<b>Wh question + was/were + S + (not) + ...?</b>	How was your day yesterday? (Ngày hôm qua của bạn như thế nào?)

**Note:** V<sub>-inf</sub> = verb infinitive: động từ nguyên thể; V2 = past irregular verbs: động từ quá khứ bất quy tắc

##### ❖ Extra vocabulary (Từ vựng mở rộng)

No.	Words	Meanings	No.	Words	Meanings
1	<b>world</b> (n)	thế giới	6	<b>feed</b> (v)	cho ăn
2	<b>farm</b> (n)	trang trại	7	<b>ground</b> (n)	mặt đất
3	<b>important</b> (adj)	quan trọng	8	<b>field</b> (n)	cánh đồng
4	<b>wool</b> (n)	lông	9	<b>tractor engine</b> (n)	động cơ máy kéo
5	<b>look after</b> (v)	trông coi	10	<b>machine</b> (n)	máy móc

**Note:** n = noun: danh từ; v = verb: động từ; adj = adjective: tính từ.

## B. Homework

### I. Circle the correct word to complete the sentence (*Khoanh tròn từ đúng để hoàn thành câu*)

0. **(What)** / **When** did you eat for breakfast yesterday?
1. **(Who / Where)** did you see at the party?
2. **(When / What)** did we start the game?
3. **(When / How)** did she do her homework in 10 minutes?
4. **(What / Where)** did he bring to the meeting?
5. **(Where / Who)** did they go last weekend?

### II. Complete the sentences with the correct past simple form of the verbs in the bracket

(*Hoàn thành các câu với dạng đúng quá khứ đơn của các động từ trong ngoặc*)

0. He didn't study (not study) for the test last night.
1. \_\_\_\_\_ you \_\_\_\_\_ (watch) the movie on TV yesterday?
2. She \_\_\_\_\_ (not write) a letter last weekend.
3. They \_\_\_\_\_ (make) a birthday cake on Sunday.
4. We \_\_\_\_\_ (cook) dinner together last night.
5. \_\_\_\_\_ he \_\_\_\_\_ (paint) the picture for the art class?

### III. Unscramble the words to make correct sentences (*Sắp xếp lại các từ để tạo thành câu đúng*)

0. yesterday / played / He / basketball

→ He played basketball yesterday. \_\_\_\_\_

1. did / their / They / homework / last night.

→ \_\_\_\_\_

2. did / How / to / go / work? / she

→ \_\_\_\_\_

3. saw / a / movie / She / last week.

→ \_\_\_\_\_

4. visited / grandmother / I / my / last month.

→ \_\_\_\_\_

5. find / Where / her / did / book? / she

→ \_\_\_\_\_

Read the text. Choose the right words and write them on the lines.



**Farms**



**Example** There are farms ..... in ..... all parts of the world.  
 There are small ones and big ones. Farms are very important  
 1 ..... we get a lot of our food from them.  
 2 ..... farmers grow fruit and vegetables only. In  
 3 hot countries, these farmers grow things ..... rice,  
 mangoes and bananas, which need a lot of sun. In colder countries,  
 4 farmers grow carrots, onions and apples. ....  
 5 farmers have animals. Farmers keep ..... to sell  
 their meat, wool and milk.  
 6 Farmers have to work very hard ..... day of the  
 7 year. They must ..... their animals and water the  
 things they are growing.  
 Farmers need to know about the weather every day. If  
 8 ..... is too much sun, the ground gets very dry  
 9 and things ..... grow. Too much rain is also bad  
 for the fields.  
 10 ..... farmers don't only look after animals, but  
 they fix their farm machines and tractor engines as well.

16

- |    |         |           |         |
|----|---------|-----------|---------|
| 1  | after   | because   | so      |
| 2  | Some    | Any       | Both    |
| 3  | through | like      | than    |
| 4  | Other   | Another   | Each    |
| 5  | they    | their     | them    |
| 6  | every   | all       | many    |
| 7  | feed    | fed       | feeding |
| 8  | he      | it        | there   |
| 9  | can't   | shouldn't | mustn't |
| 10 | Most    | Few       | Any     |